

THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ CHỦ QUAN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỈNH TUYỀN QUANG

Vũ Chung Thủy⁽¹⁾; Nguyễn Việt Phương⁽²⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 12/08/2025

Ngày phản biện: 24/09/2025

Ngày đăng: 31/10/2025

Tác giả liên hệ:

Nguyễn Việt Phương

Email:

nguyenvietphuong1985@gmail.com

Tập 15, số 5 (2025), trang 13-20

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13952>

Bản quyền © 2025. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường được sử dụng trong hoạt động TDTT, chúng tôi tiến hành xác định và đánh giá được thực trạng 04 yếu tố chủ quan đảm bảo chất lượng công tác GDTC cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng tỉnh Tuyen Quang. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Nhận thức về vai trò, tác dụng của GDTC và hoạt động thể thao ngoại khoá của sinh viên còn hạn chế đã chi phối và ảnh hưởng đến việc hình thành và xây dựng động cơ tập luyện đúng đắn, bền vững, làm xuất hiện thái độ tham gia tập luyện thiếu tích cực ở một bộ phận sinh viên, giảm nhu cầu tập luyện. Những hạn chế từ thực tiễn là cơ sở quan trọng để đề xuất giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác GDTC cho sinh viên.

Từ khóa: Yếu tố chủ quan, chất lượng công tác GDTC.

Current state of subjective factors ensuring the quality of physical education for students at universities and colleges in Tuyen Quang Province

Vu Chung Thuy⁽¹⁾; Nguyen Viet Phuong⁽²⁾

Article Information:

Received: 12/08/2025

Review date: 24/09/2025

Published: 31/10/2025

Corresponding Author:

Nguyen Viet Phuong

Email:

nguyenvietphuong1985@gmail.com

Vol 15, Issue 5 (2025), pp 13-20

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13952>

Copyright © 2025. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Summary:

Using regular scientific research methods, the study identified and evaluated the current state of four subjective factors ensuring the quality of physical education for students at universities and colleges in Tuyen Quang Province. The research results show that students' awareness of the role and benefits of physical education and extracurricular sports activities remains limited, which influences the formation of proper and sustainable training motivation. Moreover, it leads to a lack of positive training attitudes among a group of students and reduces training needs. These practical limitations provide an important basis for proposing appropriate solutions to enhance the effectiveness and quality of physical education for students.

Keywords: subjective factors, quality of physical education.

⁽¹⁾PGS TS Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

⁽²⁾ThS Trường Đại học Tân Trào

ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác Giáo dục thể chất (GDTC) và hoạt động TDTT trường học đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần rèn luyện thể lực, phát triển toàn diện nhân cách và nâng cao chất lượng đào tạo. Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, việc nâng cao chất lượng công tác GDTC đang trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng các yêu cầu của xã hội hiện đại. Thực tiễn cho thấy, các yếu tố đảm bảo chất lượng công tác GDTC cho sinh viên rất đa dạng, bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan như: chương trình GDTC, định mức kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, hệ thống văn bản pháp quy, công tác cán bộ và nhận thức, nhu cầu, động cơ và thái độ tập luyện của người học. Trong đó có thể xem các yếu tố chủ quan có tính chất đột phá, mở đường và quyết định chất lượng các yếu tố khác. Nhận thức đúng đắn hay lệch lạc tùy thuộc vào mức độ hiểu biết của mỗi người, nhận thức đúng thì mới có hành động đúng. Nhận thức đúng đắn là cơ sở làm xuất hiện nhu cầu và là căn cứ để xây dựng động cơ, kế hoạch tham gia tập luyện một cách khoa học, tích cực và bền vững.

Xuất phát từ thực trạng công tác GDTC cả trong giảng dạy GDTC chính khóa và hoạt động thể thao ngoại khóa (TTNK) tại các trường đại học và cao đẳng (ĐH, CĐ) tỉnh Tuyên Quang còn nhiều hạn chế đã đặt ra vấn đề cần thiết phải tiến hành nghiên cứu đánh giá đúng các yếu tố đảm bảo chất lượng công tác GDTC cho sinh viên, làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất và ứng dụng các giải pháp khắc phục các điểm yếu và phát huy thế mạnh, nắm bắt thời cơ và thách thức để nâng cao chất lượng công tác GDTC cho sinh viên.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp: phân tích và tổng hợp tài liệu, quan sát sự phạm, phương pháp phỏng vấn và toán học thống kê.

Mẫu khảo sát: kích thước mẫu được xác định theo công thức của Yamane Taro (1967) với sai số 5%. Theo đó, mẫu khảo sát được xác định và phân bổ như sau:

Đối tượng phỏng vấn là 32 cán bộ, trong đó có 8 cán bộ quản lý, 6 chuyên gia và 18 giảng viên GDTC (gọi chung là cán bộ, giảng viên) đang công tác tại Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật – Công nghệ Tuyên Quang và Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Đối tượng khảo sát thực trạng: 1214 sinh viên được phân bổ đều theo giới tính và cho các khóa từ năm thứ nhất tới năm thứ 3, trong đó có 986 sinh viên Trường Đại học Tân Trào và 228 sinh viên Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang. Theo giới tính, có 631 nam sinh viên (51.98%) và 583 nữ sinh viên (48.02%) và 23 giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy.

Khảo sát được tiến hành tại Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật – Công nghệ Tuyên Quang, thời điểm năm học 2023-2024.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định các yếu tố chính đảm bảo chất lượng công tác GDTC cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng tỉnh Tuyên Quang

Chúng tôi tiến hành xác định các yếu tố thông qua phương pháp tham khảo tài liệu, quan sát sự phạm và phỏng vấn trực tiếp cán bộ quản lý, giảng viên GDTC đang tham gia giảng dạy. Kết quả nghiên cứu bước đầu đã lựa chọn được 04 yếu tố chủ quan và 10 yếu tố khách quan đảm bảo chất lượng công tác GDTC cho sinh viên các trường ĐH, CĐ tỉnh Tuyên Quang.

Để đảm bảo chính xác, khách quan, làm tăng độ tin cậy của của kết quả lựa chọn, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn gián tiếp bằng phiếu hỏi tới 32 cán bộ, giảng viên. Chúng tôi đã sử dụng thang đo Likert để xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố với 05 mức độ, từ Rất ảnh hưởng đến Rất không ảnh hưởng. Ấn định điểm tương ứng các mức lần lượt là 5, 4, 3, 2 và 1 điểm.

Nguyên tắc lựa chọn: lựa chọn những yếu tố đạt điểm trung bình từ 3.41 điểm trở lên (tương ứng mức ảnh hưởng và rất ảnh hưởng) để tiến hành đánh giá thực trạng. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 1.

Kết quả bảng 1 cho thấy, có 12/14 yếu tố đảm bảo chất lượng công tác GDTC cho sinh viên đạt số điểm từ 3.56 đến 4.06 điểm. Căn cứ

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn xác định các yếu tố đảm bảo chất lượng công tác GDTC cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng tỉnh Tuyên Quang (n=32)

TT	Yếu tố đảm bảo chất lượng công tác GDTC	Kết quả phỏng vấn					Tổng điểm	Điểm TB
		5	4	3	2	1		
Yếu tố chủ quan								
1	Nhận thức về vai trò, tác dụng của tập luyện TDTT	15	8	4	5	0	129	4.03
2	Nhu cầu tập luyện TDTT	14	7	5	6	0	125	3.91
3	Động cơ tham gia tập luyện	12	6	2	12	0	114	3.56
4	Thái độ tham gia tập luyện	12	7	6	7	0	120	3.75
Yếu tố khách quan								
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo	9	5	6	12	0	107	3.34
2	Chương trình GDTC chính khoá và hoạt động TTNK	15	8	5	4	0	130	4.06
3	Phương pháp dạy học và hình thức tổ chức giờ học GDTC	16	7	4	5	0	130	4.06
4	Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ GDTC và hoạt động TTNK	18	9	5	0	0	141	4.41
5	Đội ngũ giảng viên TDTT	16	8	4	4	0	132	4.13
6	Công tác xã hội hóa TDTT và tuyên truyền	15	6	6	5	0	127	3.97
7	Nội dung, hình thức tổ chức hoạt động TTNK	15	6	5	6	0	126	3.94
8	Kinh phí hoạt động TDTT	13	7	5	7	0	122	3.81
9	Tổ chức hoạt động thi đấu TDTT	15	8	4	5	0	129	4.03
10	Yếu tố khác	6	4	3	19	0	93	2.91

nguyên tắc đặt ra, chúng tôi lựa chọn 04 yếu tố chủ quan và 08 yếu tố khách quan để đưa vào nghiên cứu tiếp theo.

2. Thực trạng các yếu tố chủ quan đảm bảo chất lượng công tác GDTC cho sinh viên các trường ĐH, CĐ tỉnh Tuyên Quang

2.1. Thực trạng nhận thức về vai trò, tác dụng tập luyện TDTT của sinh viên

Để đánh giá được thực trạng nhận thức về vai trò, tác dụng tập luyện TDTT của sinh viên, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi tới 1214 sinh viên đã được xác định. Kết quả phỏng vấn trình bày ở bảng 2.

Về tổng thể, kết quả khảo sát đã phản ánh nhận thức của sinh viên về vai trò và tác dụng của tập luyện TDTT có sự phân tán, thiếu tập trung, qua đó cho thấy hành vi khi tham gia hoạt

động TDTT là không đồng đều, thiếu tích cực và không bền vững. Kết quả khảo sát giữa 2 nhóm đối tượng ĐH và CĐ không có sự khác biệt thống kê.

Về vai trò của TDTT, phần lớn sinh viên đều đánh giá cao, với 25,04% cho rằng “rất quan trọng” và 45,96% đánh giá là “quan trọng”, chiếm tổng cộng hơn 70% có nhận thức tích cực, đúng đắn. Tuy nhiên, vẫn còn tới 14% sinh viên ĐH và 22,37% sinh viên CĐ cho rằng tập luyện TDTT là “không quan trọng”, cho thấy có sự chênh lệch nhất định về nhận thức giữa 02 hệ đào tạo cho dù sự khác biệt thống kê là không có ý nghĩa ($P > 0.05$).

Về tác dụng của TDTT, sinh viên nhìn nhận rõ ràng nhất ở các khía cạnh như: phát triển cơ thể cân đối (75,04%), phát triển thể lực (71%),

Bảng 2. Thực trạng nhận thức về vai trò, tác dụng của tập luyện TDDT của sinh viên các trường đại học và cao đẳng tỉnh Tuyên Quang

Nội dung	Tổng thể (n=1214)		Hệ đào tạo				So sánh SV 2 hệ	
			SV đại học (n=986)		SV cao đẳng (n=228)			
	m _i	%	m _i	%	m _i	%	χ ²	P
Nhận thức về vai trò của tập luyện TDDT								
Rất quan trọng	304	25.04	256	25.96	48	21.05	5.15	>0.05
Quan trọng	558	45.96	463	46.96	95	41.67		
Bình thường	182	14.99	148	15.01	34	14.91		
Không quan trọng	170	14.00	119	12.07	51	22.37		
Rất không quan trọng	0	0.00	0	0.00	0	0.00		
Nhận thức về tác dụng của tập luyện TDDT								
Nâng cao sức khỏe	838	69.03	700	70.99	138	60.53	6.59	>0.05
Phát triển thể lực	862	71.00	661	67.04	201	88.16		
Phát triển cơ thể cân đối, hài hòa	911	75.04	728	73.83	183	80.26		
Tăng cường giao lưu, kết bạn	886	72.98	720	73.02	166	72.81		
Giảm stress sau hoạt động học tập mệt mỏi	692	57.00	542	54.97	150	65.79		
Nâng cao kỹ - chiến thuật và năng lực vận động	583	48.02	546	55.38	37	16.23		
Nâng cao kết quả học tập	668	55.02	552	55.98	116	50.88		
Rèn luyện ý chí	716	58.98	542	54.97	174	76.32		
Tăng sức đề kháng, giảm nguy cơ mắc bệnh	619	50.99	523	53.04	96	42.11		
Tránh xa tệ nạn xã hội	595	49.01	493	50.00	102	44.74		
Ảnh hưởng xấu đến học tập và sinh hoạt	304	25.04	227	23.02	77	33.77		
Gây mệt mỏi	352	29.00	256	25.96	96	42.11		
Mất thời gian, không cần thiết	340	28.01	207	20.99	133	58.33		
Không có tác dụng	279	22.98	197	19.98	82	35.96		

và tăng cường giao lưu, kết bạn (72,98%). Đáng chú ý, sinh viên CĐ có tỷ lệ nhận thức rất cao về tác dụng “rèn luyện ý chí” (76,32%) và “phát triển thể lực” (88,16%), cho thấy họ có xu hướng nhìn nhận TDDT như một công cụ tăng cường khả năng thích ứng và phát triển cá nhân. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một tỷ lệ không nhỏ sinh viên cho rằng tập luyện TDDT gây mệt mỏi (29%), mất thời gian (28,01%) hoặc không có tác dụng (22,98%), đặc biệt là ở sinh viên ở hệ

CĐ. Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường truyền thông và giáo dục nhận thức đúng đắn về vai trò của TDDT, đặc biệt là hướng đến thay đổi quan niệm sai lệch và nâng cao động lực tự thân cho sinh viên trong việc rèn luyện thể chất.

2.2. Thực trạng nhu cầu tập luyện TDDT của sinh viên

Để đánh giá thực trạng nhu cầu tập luyện TDDT, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 1214 sinh viên thuộc 02 trường tại Tuyên Quang. Kết quả trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng nhu cầu tập luyện TDTT của sinh viên các trường cao học và cao đẳng tỉnh Tuyên Quang

Nội dung	Tổng thể		Hệ đào tạo				So sánh SV 2 hệ	
			SV đại học		SV cao đẳng		χ^2	P
	m_i	%	m_i	%	m_i	%		
Nhu cầu tập luyện TDTT	n=1214		n=986		n=288			
Có nhu cầu tập luyện	958	78.91	769	77.99	189	82.89	2.98	>0.05
Không có nhu cầu tập luyện	230	18.95	196	19.88	34	14.91		
Không rõ ràng	26	2.14	21	2.13	5	2.19		
Nhu cầu tham gia tập luyện các môn thể thao	n=958		n=769		n=189			
Bóng đá	431	44.99	354	46.03	77	40.74	112.26	<0.05
Bóng chuyền	402	41.96	331	43.04	71	37.57		
Cầu lông	441	46.03	315	40.96	126	66.67		
Võ thuật	316	32.99	269	34.98	47	24.87		
Bóng rổ	240	25.05	231	30.04	9	4.76		
Đá cầu	201	20.98	138	17.95	63	33.33		
Cờ vua	172	17.95	123	15.99	49	25.93		
Điền kinh	316	32.99	223	29.00	93	49.21		
Khiêu vũ thể thao	249	25.99	215	27.96	34	17.99		
Thể dục Aerobic	364	38.00	269	34.98	95	50.26		
Bóng bàn	201	20.98	146	18.99	55	29.10		
Bơi	182	19.00	161	20.94	21	11.11		
Môn thể thao dân tộc	278	29.02	231	30.04	47	24.87		
Môn thể thao khác	144	15.03	123	15.99	21	11.11		
Nhu cầu về hình thức tập luyện	n=958		n=769		n=189			
Tập luyện cá nhân	450	46.97	361	46.94	89	47.09	0.69	>0.05
Tập luyện theo nhóm	335	34.97	273	35.50	62	32.80		
Tập luyện theo CLB	651	67.95	516	67.10	135	71.43		

Kết quả khảo sát về thực trạng nhu cầu tập luyện TDTT của sinh viên các trường ĐH, CĐ tỉnh Tuyên Quang cho thấy tỷ lệ sinh viên có nhu cầu tập luyện khá cao, chiếm 78,91%, trong đó sinh viên hệ CĐ có nhu cầu cao hơn (82,89%) so với sinh viên hệ ĐH (77,99%), sự

khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$). Điều này phản ánh xu hướng tích cực trong nhận thức và nhu cầu rèn luyện thể chất của sinh viên, cho thấy tiềm năng phát triển các hoạt động TDTT ngoại khóa trong các cơ sở giáo dục hiện nay.

Về loại hình môn thể thao được ưa chuộng: các môn như Cầu lông (46,03%), Bóng đá (44,99%), Bóng chuyền (41,96%) và Thể dục Aerobic (38,00%) chiếm tỷ lệ cao, trong khi Bóng rổ và Bơi lội ít được lựa chọn cho thấy sinh viên có xu hướng lựa chọn các môn có tính phổ biến, dễ tổ chức và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất hiện có và có sở thích khác biệt giữa hai nhóm sinh viên ĐH và CĐ.

Về hình thức tập luyện, đa số sinh viên lựa chọn hình thức tập theo câu lạc bộ (67,95%), và tập luyện cá nhân (46,97%), theo nhóm (34,97%). Điều này cho thấy vai trò quan trọng của mô hình câu lạc bộ trong việc duy trì thói quen vận động, tạo môi trường rèn luyện thể chất đa dạng và có tổ chức. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu này, các cơ sở đào tạo cần đầu tư mạnh hơn

vào cơ sở vật chất, nguồn lực tổ chức và xây dựng các mô hình câu lạc bộ TDTT linh hoạt, phù hợp với đặc điểm từng nhóm sinh viên.

2.3. Thực trạng động cơ tập luyện TDTT của sinh viên

Động cơ đúng đắn, tích cực giúp sinh viên chủ động, tự giác, nỗ lực vượt qua những cản trở khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện. Hiệu quả của quá trình sư phạm phụ thuộc rất lớn vào động cơ, tinh thần tự giác của người học. Để hiểu rõ động cơ của sinh viên khi tham gia hoạt động TDTT, nghiên cứu phỏng vấn 958 sinh viên thuộc Trường Đại học Tân Trào và Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang – những người có nhu cầu tập luyện TDTT. Kết quả được trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Thực trạng động cơ tham gia tập luyện TDTT của sinh viên các trường đại học và cao đẳng tỉnh Tuyên Quang

Nội dung	Tổng thể (n=958)		Hệ đào tạo				So sánh SV 2 hệ	
			SV đại học		SV cao đẳng			
			(n=769)		(n=189)			
	m _i	%	m _i	%	m _i	%	χ ²	P
Động cơ tích cực, bền vững								
Rèn luyện sức khỏe	661	69.00	538	69.96	123	65.08	7.24	>0.05
Nhận thức được vai trò, tác dụng của tập luyện TDTT	671	70.04	523	68.01	148	78.31		
Nâng cao kết quả môn GDTC	527	55.01	430	55.92	97	51.32		
Để có cơ thể cân đối, hài hòa	719	75.05	584	75.94	135	71.43		
Giảm thiểu bệnh tật	488	50.94	385	50.07	103	54.50		
Tăng cường giao lưu, kết bạn	690	72.03	546	71.00	144	76.19		
Nâng cao kỹ - chiến thuật và năng lực vận động	460	48.02	385	50.07	75	39.68		
Vui chơi, giải trí sau thời gian học tập mệt mỏi	613	63.99	492	63.98	121	64.02		
Động cơ thụ động, không bền vững								
Tập theo phong trào, bạn bè lôi kéo	290	30.27	239	31.08	51	26.98	5.71	>0.05
Do chương trình GDTC quy định	440	45.93	346	44.99	94	49.74		
Gia đình ép buộc	115	12.00	100	13.00	15	7.94		

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số sinh viên có động cơ tích cực và bền vững trong việc tham gia các hoạt động TDDT. Cụ thể, các động cơ như: mong muốn rèn luyện sức khỏe; có cơ thể cân đối, hài hòa; nhận thức được vai trò, tác dụng của TDDT và tăng cường giao lưu, kết bạn được nhiều lựa chọn. Những yếu tố này cho thấy sinh viên không chỉ tham gia hoạt động TDDT để đáp ứng yêu cầu học tập, mà còn hướng tới những giá trị lâu dài như sức khỏe, kỹ năng xã hội và phát triển cá nhân. Điều này hoàn toàn phù hợp và có sự liên hệ logic với kết quả ở bảng 2 và bảng 3, khi phần lớn sinh viên đánh giá cao vai trò của TDDT và có nhu cầu tham gia tập luyện khá cao.

So sánh giữa hai hệ đào tạo, sinh viên cao đẳng có xu hướng thể hiện động cơ tích cực cao hơn ở một số tiêu chí song sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê.

Đáng chú ý, các động cơ mang tính thụ động như “do chương trình GDTC quy định” hay “tập theo phong trào, bạn bè lôi kéo” vẫn tồn tại ở một bộ phận không nhỏ sinh viên, cho thấy sự ảnh hưởng của môi trường học tập, định hướng

từ nhà trường và xã hội. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên bị “gia đình ép buộc” là khá thấp, phản ánh động cơ nội tại đóng vai trò chủ đạo trong lựa chọn và duy trì hoạt động TDDT của người học. Đây là cơ sở quan trọng để các cơ sở giáo dục thiết kế các chương trình TDDT phù hợp, phát huy động cơ tự thân và tạo động lực bền vững cho sinh viên.

2.4. Thực trạng thái độ tham gia tập luyện TDDT của sinh viên

Để đánh giá thực trạng thái độ tham gia tập luyện TDDT, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 23 người, trong đó có 8 cán bộ quản lý và 15 giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy môn GDTC tại Trường Đại học Tân Trào và Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang. Kết quả phỏng vấn được đánh giá theo thang đo Likert với 5 mức độ và được trình bày ở bảng 5.

Kết quả nghiên cứu phản ánh một thực trạng tương đối tích cực. Phần lớn sinh viên thể hiện thái độ tích cực trong học tập và rèn luyện thể chất. Cụ thể, các chỉ số về sự tham gia tích cực, chủ động, hứng thú và tinh thần quyết tâm đều đạt mức điểm trung bình từ 3.38 đến 3.94 (trên

Bảng 5. Thực trạng thái độ tham gia tập luyện TDDT của sinh viên đại học và cao đẳng tỉnh Tuyên Quang

Thái độ tập luyện		SV đại học (n=16)			SV cao đẳng (n=7)			So sánh	
		Tổng điểm	Điểm TB	%	Tổng điểm	Điểm TB	%	χ^2	P
Thái độ tích cực	Tham gia tích cực	63	3.94	78.75	26	3.71	74.29	0.63	>0.05
	Chủ động, tự giác học tập	58	3.63	72.5	25	3.57	71.43		
	Tìm tòi, sáng tạo	54	3.38	67.5	26	3.71	74.29		
	Hứng thú và tin tưởng vào môn học	55	3.44	68.75	25	3.57	71.43		
	Tích cực tham gia các hoạt động	59	3.69	73.75	22	3.14	62.86		
	Tinh thần quyết tâm	57	3.56	71.25	24	3.43	68.57		
Thái độ tiêu cực	Thiếu tập trung	30	1.88	37.5	13	1.86	37.14	0.77	>0.05
	Thu động, dựa dẫm vào sự hướng dẫn của giáo viên	42	2.63	52.5	18	2.57	51.43		
	Chán nản, mệt mỏi	22	1.38	27.5	10	1.43	28.57		
	Trì hoãn, thiếu trách nhiệm	19	1.19	23.75	9	1.29	25.71		
	Lo lắng, căng thẳng	13	0.81	16.25	5	0.71	14.29		



Giờ học Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Tân Trào

thang 5 điểm), cho thấy mức độ đồng thuận cao với các biểu hiện hành vi tích cực. Sinh viên ĐH có điểm trung bình cao hơn ở phần lớn các biểu hiện tích cực, song sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê.

Bên cạnh đó, các biểu hiện tiêu cực như thiếu tập trung, trì hoãn, chán nản đều có điểm số rất thấp (từ 0.81 đến 2.63), cho thấy mức độ xuất hiện không phổ biến. Điều này góp phần khẳng định môi trường học tập TDDT tại các cơ sở giáo dục được nghiên cứu đã phần nào tạo được động lực, hứng thú và tính chủ động trong rèn luyện thể chất của sinh viên. So sánh giữa hai nhóm sinh viên, sự khác biệt là không đáng kể ($P > 0.05$), Tuy nhiên, vẫn cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến động lực nội tại để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động TDDT trong nhà trường.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu xác định được 12 yếu tố đảm bảo chất lượng công tác GDTC cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng tại tỉnh Tuyên Quang, trong đó có 4 yếu tố chủ quan và 8 yếu tố khách quan.

Đánh giá thực trạng các yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới chất lượng công tác GDTC cho sinh viên cho thấy: sinh viên có nhận thức tương đối tốt về vai trò của TDDT, thể hiện qua động cơ và thái độ tham gia tích cực, nhu cầu tập luyện

cao và đa dạng môn lựa chọn. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một bộ phận sinh viên có nhận thức chưa đầy đủ, động cơ chưa bền vững và còn biểu hiện tiêu cực. Thực trạng này cho thấy cần tăng cường công tác truyền thông, giáo dục nhận thức và ý thức rèn luyện thể chất cho sinh viên, đồng thời khắc phục những hạn chế trong hoạt

động giảng dạy môn GDTC và tổ chức hoạt động TTNK phù hợp với đặc điểm của nhà trường và nhu cầu của sinh viên để nâng cao tính tự giác và động lực tham gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2015), *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường*.
2. Văn Đình Cường (2020), “Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng Giáo dục thể chất cho sinh viên các Trường Đại học tại Thành phố Vinh”, *Luận án Tiến sĩ Giáo dục học*, Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Công văn Số: 4557/BGDĐT-GDTC ngày 24 tháng 08 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học năm học 2023-2024*.
4. Phạm Quang Đức (2023), “Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp I”, *Luận án Tiến sĩ Giáo dục học*, Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.
5. Phạm Minh Hạc (2002), *Tuyển tập Tâm lý học*, Nxb giáo dục, Hà Nội.